

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 695/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-5-2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Hợp.
2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nhân - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thương Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1472/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Nguyễn Đan T**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp CV, xã VK, huyện CN, tỉnh TV.

Địa chỉ liên lạc: TM04 Chung cư 9 View số 1 Đường số 1, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Dương Hoàng D**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 17/18/25 phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Phạm Nguyễn Đan T, trình bày: Bà và ông Dương Hoàng D chung sống năm 2019, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 ngày 31/5/2019 do UBND xã VK, huyện CN, tỉnh TV cấp. Bà cho rằng trong quá trình chung sống thì có nhiều bất đồng quan

điểm, không hòa hợp, nên mâu thuẫn phát sinh trầm trọng không hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà có yêu cầu được ly hôn với ông D. Trong quá trình chung sống, bà và ông D không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Dương Hoàng D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà T. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông D có mặt để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà T nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Nguyên đơn: Bà Phạm Nguyễn Đan T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông Dương Hoàng D đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà T nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có, do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Nguyễn Đan T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Dương Hoàng D, bị đơn có địa chỉ tại số 17/18/25 phường B, quận T. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về nội dung: Bà Phạm Nguyễn Đan T và ông Dương Hoàng D tự nguyện chung sống với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 ngày 31/5/2019 do UBND xã VK, huyện CN, tỉnh TV

cấp, đây là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông D.

[2.1]. Qua yêu cầu của bà Phạm Nguyễn Đan T, Hội đồng xét xử xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ và chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau nhưng hiện tại thì bà T đã không còn tha thiết chung sống với ông D nữa.

Ngày 18/10/2022, qua xác minh tại UBND phường B, quận T, có kết quả trả lời: “...1. Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân phường B chưa nhận được đơn yêu cầu hòa giải mâu thuẫn tranh chấp đối với trường hợp đương sự của bà Phạm Nguyễn Đan T và ông Dương Hoàng D. 2. Về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan đến vụ án: về nội dung này, Ủy ban nhân dân phường không rõ...”.

Ngày 18/10/2022, qua xác minh tại Công an phường B, quận T, được biết: Ông Dương Hoàng D đang thực tế cư trú tại địa chỉ số 17/18/25 phường B, quận T. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải, tác động để đôi bên được hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông D, còn ông D vắng mặt không có lý do. Từ đó cho thấy, đôi bên không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng của bà T và ông D đã thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc tiếp tục chung sống là không còn ý nghĩa.

Từ những nhận định trên, nên yêu cầu ly hôn của bà Phạm Nguyễn Đan T đối với ông Dương Hoàng D là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà T khai nhận trong quá trình chung sống, giữa bà và ông D không có con chung nên Tòa không xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Nguyễn Đan T khai nhận đôi bên không có tài sản chung, nợ chung cũng như các nghĩa vụ dân sự khác và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có, do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên bà Phạm Nguyễn Đan T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Nguyễn Đan T.

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm Nguyễn Đan T được ly hôn với ông Dương Hoàng D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 ngày 31/5/2019 do UBND xã VK, huyện CN, tỉnh TV cấp không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Bà Phạm Nguyễn Đan T khai nhận trong quá trình chung sống, giữa bà và ông D không có con chung nên Tòa không xét.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Nguyễn Đan T khai nhận đôi bên không có tài sản chung, nợ chung cũng như các nghĩa vụ dân sự khác và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Bà Phạm Nguyễn Đan T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009578 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Nguyễn Đan T đã nộp đủ án phí.

Đôi bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- CC THADS quận Bình Tân;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; VP (Nhân).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Thái